

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

*(Kèm theo Quyết định số 2953/QĐ-ĐHKTQD ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- * **Tên ngành:** Tiếng Việt: KINH DOANH QUỐC TẾ
Tiếng Anh: INTERNATIONAL BUSINESS
- * **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- * **Mã số ngành đào tạo:** 7340120
- * **Đơn vị đào tạo:**
Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế - Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- * **Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**
Tên tiếng Việt: Cử nhân Kinh doanh quốc tế
Tiếng Anh: Bachelor in International Business
- * **Trình độ đào tạo:** Đại học
- * **Hình thức đào tạo:** Chính quy
- * **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- * **Ngôn ngữ đào tạo:** Tiếng Việt

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp kinh doanh quốc tế trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; về quản trị kinh doanh quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế thành thạo về tiếng Anh và có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng hỗ trợ để tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh quốc tế như: quản trị thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và mạng sản xuất toàn cầu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc kinh doanh quốc tế; có cơ hội tiếp tục học tập nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế hiểu kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn, pháp luật, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất; có kiến thức chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp kinh doanh quốc tế trong kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và kinh doanh quốc tế.
PG2	Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Quản trị Kinh doanh quốc tế thành thạo về tiếng Anh, tin học, kỹ năng chuyên môn (bao gồm việc thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh) và các kỹ năng bổ trợ (bao gồm kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổng hợp kinh nghiệm, thuyết trình) để tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh quốc tế như: quản trị thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và mạng sản xuất toàn cầu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
PG3	Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trách nhiệm xã hội; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc kinh doanh quốc tế; có cơ hội tiếp tục học tập nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Sau khi tốt nghiệp cử nhân quản trị kinh doanh quốc tế, sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí:

- Cán bộ kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc điều hành kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp quốc tế, liên doanh và các tổng công ty, các tập đoàn đa và xuyên quốc gia;
- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh quốc tế tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo;
- Các cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh;
- Các tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, tổ chức phi chính phủ quốc tế; các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách kinh doanh quốc tế, các đơn vị nghiên cứu và giảng dạy kinh doanh quốc tế, tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh quốc tế.
- Cán bộ đối ngoại của các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các bộ ngành trung ương và các địa phương;

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Mô tả chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mã hóa Chuẩn đầu ra (CĐRx)	Mô tả nội dung
CĐR1	Chuẩn về kiến thức
CĐR1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.
CĐR1.2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về toán kinh tế, pháp luật, kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, quản trị kinh doanh, thống kê, hệ thống thông tin quản lý và marketing để khám phá, giải thích và dự đoán hoạt động kinh doanh.
CĐR1.3	Hoàn thành các kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về tinh thần và thể chất.
CĐR1.4	Nhận biết được những điểm khác biệt cơ bản trong tổ chức kinh doanh ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài
CĐR1.5	Nắm bắt các đặc điểm và xu thế vận động trong các lĩnh vực kinh doanh quốc tế
CĐR1.6	Sử dụng được kiến thức và kinh nghiệm để tham gia, giải quyết và vận hành việc quản trị kinh doanh quốc tế
CĐR1.7	Thực hành nghiên cứu, lựa chọn thị trường, nhận dạng và so sánh các phương án trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh quốc tế
CĐR1.8	Đánh giá, dự đoán được các nhân tố tác động và đưa ra các gợi ý, ưu tiên trong việc ra quyết định và tổ chức các hoạt động kinh doanh quốc tế
CĐR2	Chuẩn về kỹ năng
CĐR2.1	Kỹ năng chuyên môn: Thực hành các phương pháp và kỹ thuật để thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng
CĐR2.2	Kỹ năng hỗ trợ: Xác định, phối hợp và thực hành các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổng hợp kinh nghiệm, thuyết trình trong các tình huống kinh doanh và kinh doanh quốc tế
CĐR2.3	Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên có thể hiểu được và viết được cơ bản các bài báo, báo cáo về các chủ đề kinh doanh; đồng thời có khả năng giao tiếp, trình

Mã hóa Chuẩn đầu ra (CĐRx)	Mô tả nội dung
	bày, xử lý các tình huống chuyên môn thông thường trong kinh doanh với ngôn ngữ là tiếng Anh (tương đương IELTS 5.5, được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).
CĐR2.4	Kỹ năng tin học: Sinh viên có khả năng sử dụng các ứng dụng tin học cơ bản trong nghiên cứu và thực hành công việc (tương đương IC3 - Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân).
CĐR3	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
CĐR3.1	Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
CĐR3.2	Sinh viên hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó tự chịu trách nhiệm và áp dụng trong quản trị kinh doanh và cuộc sống cá nhân.

3.2. Mô tả chuẩn đầu ra đối với mỗi học phần

- Tất cả các học phần có trong chương trình đều có đề cương chi tiết đầy đủ, được trình bày theo mẫu quy định và thể hiện rõ được sự đóng góp cụ thể với chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.
- Các học phần được thiết kế trong chương trình dạy học cũng có chuẩn đầu ra học phần cụ thể, là các kiến thức và kỹ năng cần đạt của người học sau khi kết thúc học phần.
- Trong đề cương chi tiết mỗi học phần đều có ma trận thể hiện mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy, hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá để đạt được chuẩn đầu ra học phần, và thể hiện sự đóng góp của học phần với việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Mỗi mục trong nội dung học phần đều đạt được ít nhất một trong những chuẩn đầu ra cụ thể của học phần, qua đó thể hiện được sự gắn kết giữa các nội dung giảng dạy và đóng góp của từng chương mục nhằm đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo.

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
1	Triết học Mác - Lê Nin Viet Nam Marxist-Leninist Philosophy	<p>Nhận biết được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của triết học Mác-Lênin, và những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>Nhớ được những quy luật chi phối sự vận động, phát triển của xã hội.</p>	CĐR 1.1 CĐR 3.2	3/6 3/5
		<p>Nhận biết các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy; các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; nhằm hình thành kỹ năng tư duy lôgic, khoa học; phát triển các kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề khoa học</p>		
		<p>Trở thành công dân toàn cầu, hành động có trách nhiệm xã hội</p> <p>Nghiêm túc học hỏi và tiếp cận kiến thức mới phục vụ cho công việc</p> <p>Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân</p>		
2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	<p>Nhận biết được những vấn đề lý luận cơ bản về hàng hóa, thị trường và nền kinh tế thị trường, các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường; những kiến thức cơ bản về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; tính tất yếu khách quan và nội dung của quá trình công nghiệp hóa- Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam</p>	CĐR 1.1 CĐR 3.2	3/6 3/5
		<p>Hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan của công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội nói chung. Vận dụng để phân tích và bổ sung làm rõ hơn lý luận về các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường giúp sinh viên xác định được lợi ích của mình, hình thành kỹ năng tự bảo vệ lợi ích chính đáng của mình biết cách giải quyết có căn cứ, khoa học quan hệ lợi ích của mình trong quan hệ với lợi ích người lao động, với</p>		

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		<p>lợi ích của xã hội khi khởi nghiệp hoặc tham gia các hoạt động kinh tế- xã hội trong bối cảnh xã hội hiện đại. Hình thành tư duy thích ứng với bối cảnh thế giới luôn có nhiều thách thức. Hình thành kỹ năng tư duy vận dụng lý luận nền tảng vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các quan hệ kinh tế xã hội, các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường. Hình thành tư duy về giải quyết các quan hệ lợi ích giữa Việt nam với các quốc gia trên thế giới thông qua hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh nhiều thách thức và biến đổi hiện nay.</p> <p>Trở thành công dân toàn cầu, sẵn sàng hành động tích cực thể hiện trách nhiệm xã hội</p>		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	<p>Nhận biết quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay, từ đó vận dụng được kiến thức vào phân tích các vấn đề kinh tế- xã hội. Hiểu rõ, phân tích được quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>Nhận biết phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu vào phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. Có khả năng ứng biến, thích nghi khi đàm phán, giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong công việc của bản thân/nhóm/bộ phận/tổ chức. Vận dụng những tri thức có được phân tích những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay. Kết hợp được truyền thông bằng lời nói, văn bản và các hình thức khác trong chuyển tải các thông tin về các tổ chức bằng tiếng Việt và tiếng Anh</p>	CĐR 1.1 CĐR 3.2	3/6 3/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		Góp phần xây dựng và củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Trở thành công dân toàn cầu, hành động có trách nhiệm xã hội		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	Nhận biết kiến thức về chính trị, lịch sử, kinh tế, quân sự, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại vào phân tích các vấn đề liên quan đến quản lý tổ chức; Nhận biết kiến thức lịch sử, an ninh quốc phòng trong rèn luyện bản thân Nhận biết được bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội, quốc tế. Nhận biết tầm quan trọng của lãnh đạo và các tình huống lãnh đạo tổ chức công	CĐR 1.1	3/6
		Nhận biết quy trình phân tích vấn đề và giải quyết vấn đề trong các tổ chức	CĐR 3.2	3/5
		Trở thành công dân toàn cầu, sẵn sàng hành động tích cực thể hiện trách nhiệm xã hội. Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức cá nhân, tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp. Nghiêm túc học hỏi, rút ra những bài học kinh nghiệm và tiếp cận kiến thức mới phục vụ cho công việc		
5	Tu tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	Nhận thức được nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người.	CĐR 1.1	3/6
		Bước đầu hình thành năng lực tư duy lý luận khoa học; phân tích đúng đắn các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	CĐR 3.2	3/5
		Nhận thức khoa học giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, từ đó có tư tưởng và tình cảm tích cực trong việc học tập và làm theo tư tưởng,		

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Góp phần tiếp thêm niềm tin, sức mạnh và ý chí phấn đấu cho việc thực hiện mục tiêu, lý tưởng cá nhân và lý tưởng chung của xã hội. Giáo dục và thực hành đạo cách mạng. Trở thành công dân toàn cầu, sẵn sàng hành động tích cực thể hiện trách nhiệm đối với xã hội.		
6	Ngoại ngữ Foreign Language	Sinh viên có thể hiểu được và viết được cơ bản các bài báo, báo cáo về các chủ đề kinh doanh; đồng thời có khả năng giao tiếp, trình bày, xử lý các tình huống chuyên môn thông thường trong kinh doanh với ngôn ngữ là tiếng Anh	CĐR 2.2 CĐR 2.3	3/5 (tương đương IELTS 5.5)
7	Giáo dục thể chất Physical Education	Cung cấp những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất trong nhà trường nói riêng và TDTT ngoài xã hội nói chung.	CĐR 1.3 CĐR 3.1	3/6 3/5
		Thực hành các nguyên tắc, phương pháp tập luyện, cách thức tổ chức một buổi tập TDTT hay một giải thi đấu TDTT.		
		Thực hành những kiến thức cơ bản và khoa học của TDTT đối với người tập		
		Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức cá nhân, tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp		
		Có tinh thần trách nhiệm và hợp tác trong công việc		
8	Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh	CĐR 1.3 CĐR 3.1	3/6 3/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		<p>nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>Thuần thục trong thao tác các kỹ năng quân sự cần thiết, biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo trong sử dụng súng tiểu liên AK (CKC).</p> <p>Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.</p>		
9	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	Sinh viên hiểu các kiến thức cơ bản về giải tích toán học, khái niệm cơ bản của kinh tế học và các mô hình sử dụng toán học trong phân tích kinh tế	CĐR 1.2	3/6
		Sinh viên có thể vận dụng kiến thức để thực hiện các tính toán toán học với độ chính xác: đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến, hàm số nhiều biến, cực trị của hàm số nhiều biến, và giải phương trình vi phân thường cấp 1.	CĐR 2.1	3/5
		Sinh viên có thể vận dụng được các công cụ toán học trong nghiên cứu và phân tích các tình huống trong thực tiễn và trong kinh tế (phân tích và đánh giá được những thay đổi của các đại lượng kinh tế, xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế, thiết lập và giải quyết được các bài toán tối ưu trong kinh tế và kinh doanh...)	CĐR 3.1	3/5
10	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản nhất về pháp luật như: Khái niệm, bản chất của pháp luật, cơ sở hình thành pháp luật; sự tác động của pháp luật đến các mối quan hệ xã hội, các lĩnh vực pháp luật, để từ đó hiểu được tác động của pháp luật tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cá nhân	CĐR 1.2	3/6

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		Sinh viên hiểu được các vấn đề về phát luật từ đó hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân.	CĐR 3.2	3/5
11	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	Hiểu được kiến thức nền tảng về cơ chế thị trường và các vấn đề liên quan đến hành vi của các thành viên trong nền kinh tế.	CĐR 1.2	3/6
		Lập luận và phân tích các vấn đề kinh tế thị trường thông qua các tình huống trong thực tế của nền kinh tế. Rèn luyện kỹ năng tự học và tự nghiên cứu thông qua việc chuẩn bị cho các buổi thảo luận tình huống.	CĐR 2.1	3/5
		Có kỹ năng tự học và tự nghiên cứu thông qua việc chuẩn bị cho các buổi thảo luận tình huống.	CĐR 3.1	3/5
12	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	Hiểu được các nguyên lý kinh tế vĩ mô cơ bản tác động đến các vấn đề về kinh tế cơ bản của nền kinh tế có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	CĐR 1.2	3/6
		Vận dụng kiến thức vào lập luận, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên sâu về các vấn đề kinh tế vĩ mô.	CĐR 2.1	3/5
		Có năng lực tìm kiếm tài liệu nghiên cứu, làm việc nhóm và phát triển kỹ năng thuyết trình nhằm chuyển tải kiến thức thông qua viết, thảo luận, làm chủ tình huống.	CĐR 3.1	3/5
13	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	Nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh doanh và quản trị kinh doanh.	CĐR 1.2 CĐR 2.2 CĐR 3.2	3/6 3/5 3/5
14		Hiểu được kiến thức cơ bản về phương pháp thống kê	CĐR 1.2	3/6

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	Có kỹ năng vận dụng được kiến thức cơ bản về các phương pháp thống kê để thực hiện các việc thu thập thông tin cũng như phân tích các hoạt động trong kinh tế và kinh doanh.	CĐR 2.1 CĐR 3.1	3/5 3/5
15	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	Sinh viên nhận biết được các kỹ năng cơ bản về ứng dụng hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh	CĐR 1.2	3/6
		Sinh viên có thể vận dụng được kiến thức để giải quyết các phương pháp định lượng và kỹ thuật để phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin nhằm giải quyết các vấn đề trong quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh	CĐR 2.1 CĐR 3.1	3/5 3/5
		Sinh viên ứng dụng được phần mềm văn phòng Microsoft Office để phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin	CĐR 2.4	3/5
16	Marketing căn bản Principles of Marketing	Nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về marketing.	CĐR 1.2 CĐR 2.2 CĐR 3.2	3/6 3/5 3/5
17	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	Hiểu được kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế để phân tích tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới việc ra quyết định kinh doanh trong các hoạt động kinh doanh quốc tế.	CĐR 1.8 CĐR 3.1	2/6 2/5
18	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	Hiểu được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán. Sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc ra quyết định kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở để học tiếp các môn kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.	CĐR 1.6 CĐR 2.1 CĐR 3.2	3/6 3/5 2/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
19	Kinh doanh quốc tế I International Business I	Hiểu được sự khác biệt giữa kinh doanh nội địa và kinh doanh quốc tế, và hiểu được sự tác động của yếu tố thuộc môi trường quốc gia và môi trường quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế.	CĐR 1.4 CĐR 2.2 CĐR 3.1	2/6 3/5 3/5
		Hiểu được các lý thuyết về thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế	CĐR 1.5	2/6
20	Marketing quốc tế International Marketing	Nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về marketing quốc tế.	CĐR 1.4 CĐR 1.6	2/6 3/6
		Có kỹ năng vận dụng được kiến thức để phân tích, đánh giá và trình bày một kế hoạch marketing quốc tế của doanh nghiệp.	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/5 3/5 3/5
21	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế Global Supply Chain Management	Nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng quốc tế và mạng sản xuất toàn cầu.	CĐR 1.7 CĐR 1.8	3/6 4/6
		Có kỹ năng vận dụng được kiến thức để thực hiện các chức năng quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong các tình huống cụ thể của doanh nghiệp; và để phân tích mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp với chiến lược quản trị chuỗi cung ứng quốc tế của doanh nghiệp.	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5 3/5 3/5
22	Kinh doanh quốc tế II International business II	Hiểu được các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh quốc tế từ chiến lược, cơ cấu tổ chức, sàng lọc thị trường quốc tế, phương thức thâm nhập thị trường, quản trị sản xuất quốc tế, quản trị marketing quốc tế, quản lý nhân sự quốc tế, quản trị tài chính quốc tế	CĐR 1.6 CĐR 1.7 CĐR 1.8	3/6 4/6 4/6

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc phân tích các tình huống và thực tiễn kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5 3/5 3/5
23	Quản trị quốc tế: Quản trị đa văn hóa và hành vi International management: Cross - Culture and behavior	Nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về sự khác biệt trong môi trường đa văn hóa và những trở ngại trong hoạt động quản trị quốc tế.	CĐR 1.4	3/6
		Có kỹ năng vận dụng để phân tích những khác biệt trong bối cảnh đa văn hóa và ứng xử với những khác biệt đó trong hoạt động quản trị quốc tế.	CĐR 2.1 CĐR 2.2	3/5 3/5
		Hiểu sự thích nghi trong quản trị đa văn hóa.	CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5
24	Quản trị tài chính quốc tế International Finance Management	Hiểu các kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế, mối quan hệ giữa các chủ thể trong môi trường tài chính quốc tế và vấn đề quản trị tài chính trong hoạt động của các chủ thể có phạm vi hoạt động vượt khỏi biên giới lãnh thổ quốc gia đặc biệt là các công ty đa quốc gia.	CĐR 1.6 CĐR 1.8	3/6 4/6
		Vận dụng được kiến thức về quản trị tài chính quốc tế để nhận định, phân tích, và giải quyết các rủi ro tài chính khi tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế như rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro giao dịch, rủi ro chuyển đổi và rủi ro kinh tế.	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/5 3/5 3/5
25	Quản trị nhân lực quốc tế International Human Resource Management	Hiểu các kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, các tổ chức sử dụng lao động có văn hóa khác nhau, trình độ chuyên môn khác nhau và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các nước có sự khác biệt về chính trị, luật pháp và văn hóa dân tộc.	CĐR 1.6 CĐR 1.8	3/6 4/6

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		Vận dụng được kiến thức về quản trị nhân lực quốc tế để nhận định, phân tích, và giải quyết các vấn đề phát sinh trong tổ chức hoạt động kinh doanh quốc tế.	CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5 3/5
26	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals of E-commerce	Hiểu ứng dụng được các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, nền tảng phát triển thương mại điện tử, và các giao dịch thương mại điện tử trong môi trường quốc tế	CĐR 1.6	3/6
		Có kỹ năng vận dụng được kiến thức về TMĐT để thực hiện các giao dịch trực tuyến, ứng dụng công nghệ trong kinh doanh, tăng cường các giải pháp an toàn điện tử, thanh toán điện tử.	CĐR 2.1 CĐR 2.4 CĐR 3.2	2/5 2/5 3/5
27	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 1 Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 1	Nhận biết được các kiến thức cơ bản về quản trị dự án và doanh nghiệp FDI	CĐR 1.6	3/6
		Hiểu được các công việc trong quá trình lập và triển khai dự án FDI.	CĐR 1.8	4/6
		Vận dụng được kiến thức trong đánh giá cách thức tìm kiếm cơ hội đầu tư, lập và thẩm định dự án đầu tư quốc tế.	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5 3/5 3/5
28	Nghệp vụ Ngoại thương 1 Foreign Trade Practice 1	Nhận biết tầm quan trọng của kinh doanh ngoại thương và phân biệt các phương thức kinh doanh mua bán trên thị trường quốc tế, ...	CĐR 1.6	3/5
		Hiểu rõ kiến thức về vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế, bảo hiểm và thanh toán quốc tế.	CĐR 1.7	4/6

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		Vận dụng các nghiệp vụ về vận tải, giao nhận, bảo hiểm hàng hóa quốc tế, thực hành thanh toán quốc tế trong ngoại thương.	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/5 3/5 3/5
29	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế Transportation & Freight Forwarding in International Trade	Vận dụng được kiến thức cơ bản về nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế, các xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ giao nhận của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế vào áp dụng trong thực tế hoạt động ngoại thương của doanh nghiệp.	CĐR 1.7 CĐR 1.8 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/6 4/6 3/5 3/5 3/5
30	Kỹ năng chuyên ngành bằng Tiếng anh English Skills for International Business	Hiểu được ngôn ngữ tiếng Anh trong các lá thư kinh doanh quốc tế, hợp đồng kinh doanh quốc tế, các chứng từ thương mại và dự án đầu tư quốc tế.	CĐR 2.2	3/5
		Có kỹ năng vận dụng được kiến thức để soạn thảo các lá thư thông thường trong kinh doanh quốc tế, lập hợp đồng trong kinh doanh quốc tế thông dụng và lập các dự án đầu tư quốc tế ở dạng đơn giản, thông dụng.	CĐR 2.3 CĐR 3.1	3/5 3/5
31	Đề án chuyên ngành Kinh doanh quốc tế Major Research Paper in International Business	Có khả năng vận dụng kết hợp các kiến thức chuyên ngành vào phân tích, giải quyết những vấn đề thực tế liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế	CĐR1.8	5/6
		Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm, khả năng thích ứng và kỹ năng làm việc độc lập, chủ động lập kế hoạch phân tích, đánh giá và đề xuất các hướng giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế	CĐR 2.1 CĐR 3.1	3/5 3/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
32	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	Hiểu được các kiến thức cơ bản về giao dịch kinh doanh, đàm phán kinh doanh, yếu tố tâm lý và văn hoá trong giao dịch và đàm phán kinh doanh, cơ sở pháp lý trong tổ chức hoạt động giao dịch và đàm phán kinh doanh	CĐR 1.6	3/6
		Có kỹ năng tổng hợp kinh nghiệm và kiến thức để vận dụng giải quyết các tình huống giao dịch và đàm phán kinh doanh trong thực tế.	CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/5 3/5
33	Kinh tế quốc tế International Economics	Hiểu rõ được các lý thuyết về thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế	CĐR 1.5 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/6 3/5 3/5
34	Pháp luật kinh doanh quốc tế International Business Law	Hiểu được các kiến thức pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, vận tải quốc tế, bảo hiểm hàng hoá và thanh toán quốc tế; từ đó vận dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh quốc tế.	CĐR 1.4	3/6
		Hiểu được các vấn đề về pháp luật quốc tế cơ bản từ đó hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân trong thực hiện các hợp đồng kinh doanh quốc tế.	CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5 3/5
35	Quản trị kinh doanh thương mại Commercial Business Management	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh thương mại để giải quyết vấn đề kinh doanh của doanh nghiệp	CĐR 1.3	
36	Kinh doanh Logistics Logistics Business	Hiểu được các kiến thức về logistics, các nghiệp vụ kinh doanh logistics, nội dung và các nhân tố ảnh hưởng đến kinh doanh Logistics để có thể thực hiện tốt tiến trình kinh doanh logistics đối với các loại hình dịch vụ khác nhau cho các đối tượng khách hàng khác nhau	CĐR 1.6 CĐR 2.1 CĐR 2.2	3/6 3/5 3/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
			CĐR 3.1	3/5
37	Bao bì và thương hiệu hàng hóa Merchandise Packaging & Branding	Hiểu được các kiến thức cơ bản về bao bì và thương hiệu hàng hóa trong kinh tế thị trường, kinh nghiệm tiên tiến trong nước và quốc tế về bao bì, thương hiệu hàng hóa	CĐR 1.6 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/6 3/5 3/5 3/5
38	Định mức kinh tế kỹ thuật Economics and Technical Norms for Enterprises	Hiểu được các kiến thức cơ bản về mức, định mức, công tác định mức tiêu dùng nguyên vật liệu, tiêu chuẩn chất lượng và quản lý chất lượng để thực hiện các chức năng quản trị sản xuất trong doanh nghiệp : quản lý mức, quản lý chất lượng-dịch vụ và giải quyết các vấn đề phát sinh trong các tình huống cụ thể của doanh nghiệp; và để phân tích mối liên hệ giữa mức, định mức, công tác định mức tiêu dùng nguyên vật liệu, quản lý chất lượng trong chuỗi cung ứng .	CĐR 1.6 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/6 3/5 3/5 3/5
39	Kế toán quốc tế International Accounting	Hiểu được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán quốc tế, vai trò của kế toán quốc tế trong thực tiễn kinh doanh toàn cầu, hội nhập và đầu tư quốc tế, và sự khác biệt giữa hệ thống kế toán các quốc gia với sự cụ thể hóa kế toán Việt Nam và kế toán Hoa kỳ	CĐR 1.4 CĐR 1.6 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/6 3/6 3/5 3/5 3/5
40	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 2	Hiểu được cách thức quản trị vận hành doanh nghiệp FDI ở thị trường nước ngoài trong mối quan hệ với công ty mẹ và các chi nhánh trong tập đoàn.	CĐR 1.7 CĐR 1.8	4/6 4/6
	Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 2	Vận dụng được kiến thức để giải quyết các tình huống liên quan tới các hoạt động sản xuất, nhân lực, tài chính, cũng như các tranh chấp có thể xảy ra trong quá trình vận hành doanh nghiệp FDI ở thị trường nước ngoài.	CĐR 2.1 CĐR 2.2	3/5 3/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
			CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5
41	Nghệp vụ ngoại thương 2 Foreign Trade Practice 2	Hiểu được tầm quan trọng và cách thức tổ chức các hoạt động ngoại thương như lập phương án kinh doanh ngoại thương, thiết kế nhãn hiệu, quảng cáo, phân phối, soạn thảo hợp đồng ngoại thương...	CĐR 1.7 CĐR 1.8	4/6 4/6
		Vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ để thực hành lập phương án kinh doanh và tổ chức kinh doanh ngoại thương theo phương án.	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5 3/5 3/5
42	Kinh doanh dịch vụ quốc tế International Business Service	Hiểu được cơ bản về các loại hình và phương thức kinh doanh các loại dịch vụ quốc tế như dịch vụ giao nhận và vận tải quốc tế, dịch vụ bảo hiểm quốc tế, dịch vụ du lịch quốc tế, dịch vụ tài chính quốc tế. Đồng thời, sinh viên hiểu được các nhân tố cơ bản tác động tới quản trị kinh doanh dịch vụ quốc tế.	CĐR 1.4 CĐR 1.8	3/6 3/6
		Vận dụng được kiến thức để thực hiện các chức năng trong hoạt động kinh doanh dịch vụ quốc tế và giải quyết các vấn đề phát sinh trong các tình huống cụ thể của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quốc tế.	CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/5 3/5
43	Đấu thầu quốc tế International Tender	Hiểu các quy định quốc tế trong tổ chức đấu thầu quốc tế, và bản chất của hoạt động đấu thầu quốc tế, các nguyên tắc và phương thức đấu thầu quốc tế	CĐR 1.4 CĐR 1.7 CĐR 1.8	3/6 4/6 4/6
		Vận dụng kiến thức để lên kế hoạch cho công tác đấu thầu quốc tế trên giác độ của chủ đầu tư và nhà thầu; thực hành chuẩn bị hồ sơ mời thầu, tham gia đấu thầu	CĐR 2.1 CĐR 2.2	3/5 3/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
		đứng trên giác độ của Nhà thầu; và thực hành quản lý đấu thầu, tìm kiếm nhà thầu tiềm năng, đánh giá các hồ sơ dự thầu đứng trên giác độ của Chủ đầu tư;	CĐR 3.1 CĐR 3.2	3/5 3/5
44	Nghiệp vụ hải quan Custom Practices	Vận dụng kiến thức cơ bản về các hoạt động và quy trình nghiệp vụ hải quan, hồ sơ hải quan để xử lý các tình huống và thực hành nghiệp vụ hải quan trong hoạt động kinh doanh quốc tế	CĐR 1.7 CĐR 1.8 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	4/6 4/6 3/5 3/5 3/5
45	Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế Payment and Credit in International Trade	Vận dụng kiến thức về thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế để có thể lựa chọn áp dụng các biện pháp thích hợp đảm bảo hiệu quả cho khâu thanh toán trong hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế.	CĐR 1.7 CĐR 1.8	4/6 4/6
		Tổng hợp kinh nghiệm và kiến thức về thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế để áp dụng giải quyết các vấn đề phát sinh trong các tình huống kinh doanh thương mại quốc tế	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/5 3/5 3/5
46	Chuyên đề Marketing quốc tế	Hiểu các khái niệm cơ bản về marketing, quản lý marketing, marketing xuất khẩu và marketing quốc tế.	CĐR 1.7	4/6
		Hiểu cấu trúc cơ bản của một kế hoạch marketing và biết cách thiết kế một kế hoạch marketing “liên khu vực”.	CĐR 1.8	4/6
		Biết cách áp dụng các khái niệm cơ bản này vào phân tích các hoạt động marketing quốc tế của các MNCs và các công ty Việt Nam được lựa chọn.	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	3/5 3/5 3/5

STT	Tên học phần	Mô tả chuẩn đầu ra của môn học/học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Trình độ đánh giá năng lực
47	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Research Methods for Socio - Economic	Vận dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp, quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế xã hội đang được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực kinh tế xã hội để thực hiện những nghiên cứu cơ bản trong quản trị kinh doanh	CĐR 1.2 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1	4/6 3/5 3/5 3/5
48	Thuế quốc tế International Taxation	Vận dụng các kiến thức cơ bản về thuế quốc tế trong thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, và để xử lý các vấn đề thuế trong thương mại và đầu tư quốc tế	CĐR 1.6 CĐR 1.8 CĐR 2.1 CĐR 3.1	3/6 3/6 3/5 3/5
49	Chuyên đề thực tập (Internship Program)	Kết hợp kiến thức và kinh nghiệm để phân tích, giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế	CĐR 1.6 CĐR 1.7 CĐR 1.8	4/6 4/6 5/6
		Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm, khả năng thích ứng và kỹ năng làm việc độc lập, chủ động lập kế hoạch phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế	CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2	4/5 4/5 4/5 4/5

3. Nội dung đào tạo

- Tổng số khối lượng kiến thức được ghi trên bảng điểm là 131 tín chỉ (không kể các học phần giáo dục thể chất: 4 tín chỉ, giáo dục quốc phòng: 11 tín chỉ.
- Các học phần được dạy bằng tiếng Việt
- Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; 30 - 45 giờ thực hành hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đề án, chuyên đề thực tập.
- Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

Cụ thể, nội dung đào tạo chương trình cử nhân đại học ngành Kinh doanh quốc tế như sau:

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Ngôn ngữ giảng dạy
TỔNG SỐ				131	
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				44	
<i>1.1. Các học phần chung</i>				20	
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Viet Nam Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	Tiếng Việt
2	2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	Tiếng Việt
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	Tiếng Việt
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLSD1102	2	Tiếng Việt
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLDL1101	2	Tiếng Việt
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	Tiếng Việt
	7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC		Tiếng Việt
	8	Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP		Tiếng Việt
<i>1.2. Các học phần của Trường</i>				12	
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	Tiếng Việt

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Ngôn ngữ giảng dạy
8	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	Tiếng Việt
9	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	Tiếng Việt
10	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	Tiếng Việt
1.3. Các học phần của ngành				12	
11	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	Tiếng Việt
12	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	Tiếng Việt
13	3	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3	Tiếng Việt
14	4	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	Tiếng Việt
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				87	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15	
15	1	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3	Tiếng Việt
16	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	Tiếng Việt
17	3	Kinh doanh quốc tế I International Business I	TMKD1115	3	Tiếng Việt
18	4	Marketing quốc tế International Marketing	MKMA1108	3	Tiếng Việt
19	5	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế Global Supply Chain Management	TMKD1123	3	Tiếng Việt
2.2. Kiến thức ngành				44	
2.2.1. Các học phần bắt buộc				29	
20	1	Kinh doanh quốc tế II International business II	TMKD1108	3	Tiếng Việt

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Ngôn ngữ giảng dạy
21	2	Quản trị quốc tế: Quản trị đa văn hóa và hành vi International management: Cross - Culture and behavior	TMKD1113	3	Tiếng Việt
22	3	Quản trị tài chính quốc tế International Finance Management	NHQT1116	3	Tiếng Việt
23	4	Quản trị nhân lực quốc tế International Human Resource Management	NLQT1112	3	Tiếng Việt
24	5	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals of E-commerce	TMQT1132	3	Tiếng Việt
25	6	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 1 Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 1	TMKD1118	3	Tiếng Việt
26	7	Nghiệp vụ Ngoại thương 1 Foreign Trade Practice 1	TMKD1120	3	Tiếng Việt
27	8	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế Transportation & Freight Forwarding in International Trade	TMQT1134	3	Tiếng Việt
28	9	Kỹ năng chuyên ngành bằng Tiếng anh English Skills for International Business	TMKQ1124	3	Tiếng Việt
29	10	Đề án chuyên ngành Kinh doanh quốc tế Major Research Paper in International Business	TMKD1126	2	Tiếng Việt
2.2.2. Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15	
30	1	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1116	3	Tiếng Việt
31	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	Tiếng Việt
32	3	Pháp luật kinh doanh quốc tế International Business Law	LUKD1164	3	Tiếng Việt
33	4	Quản trị kinh doanh thương mại Commercial Business Management	TMKT1143	3	Tiếng Việt

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Ngôn ngữ giảng dạy
34	5	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3	Tiếng Việt
	6	Bao bì và thương hiệu hàng hóa Merchandise Packaging & Branding	TMKT1129	3	Tiếng Việt
	7	Định mức kinh tế kỹ thuật Economics and Technical Norms for Enterprises	TMKT1135	3	Tiếng Việt
	8	Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3	Tiếng Việt
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)				18	
	1	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 2 Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 2	TMKD1112	3	Tiếng Việt
35	2	Nghiệp vụ ngoại thương 2 Foreign Trade Practice 2	TMKD1121	3	Tiếng Việt
	3	Kinh doanh dịch vụ quốc tế International Business Service	TMKD1127	3	Tiếng Việt
	4	Đấu thầu quốc tế International Tender	TMKD1125	3	Tiếng Việt
36					
37	5	Nghiệp vụ hải quan Custom Practices	TMQT1124	3	Tiếng Việt
38	6	Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế Payment and Credit in International Trade	NHQT1118	3	Tiếng Việt
39	7	Chuyên đề Marketing quốc tế International marketing	MKMA1161	3	Tiếng Việt
40	8	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Research Methods for Socio - Economic	PTCC1128	3	Tiếng Việt
	9	Thuế quốc tế International Taxation	NHCO1113	3	Tiếng Việt
41	2.4. Chuyên đề thực tập (Internship Program)		TMKD1124	10	Tiếng Việt

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ, năm học là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học.

4.2. Đánh giá học phần

a. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm chuyên cần có trọng số 10% đánh giá nhận thức, thái độ và tính chuyên cần trong quá trình học của sinh viên.
- Điểm kiểm tra giữa kỳ có tổng trọng số 20%, 30% hoặc 40%, mỗi học phần có từ 01 đến 02 đầu điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên và Chương trình đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt trong Đề cương chi tiết học phần.

b. Đối với học phần thực hành/kỹ năng:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành/buổi học để đạt yêu cầu, các học phần này không tính điểm.

c. Giảng viên giảng dạy trực tiếp chấm điểm chuyên cần, ra đề và chấm bài kiểm tra và công bố điểm công khai với lớp trong buổi học cuối cùng của học phần.

d. Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế sử dụng phần mềm Turnitin trong đánh giá bài tập, bài kiểm tra, đề án môn học và chuyên đề thực tập nhằm đảm bảo sự trung thực trong học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học.

5. Thời gian đào tạo

5.1. Thời gian đào tạo của các học phần

- Mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ (từ 01 môn lý luận chính trị theo quy định là 02 tín chỉ) và được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay

toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

5.2. Thời gian đào tạo của Chương trình

1. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là khoảng thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian khóa học Chương trình cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính và một kỳ học phụ. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Thời gian giảng dạy, học tập và thi cụ thể của từng học kỳ do Hiệu trưởng quy định.

2. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Khoa học quản lý phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là 6 năm. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

5.3. Kế hoạch học tập dự kiến

T T	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	PHÂN BỐ CÁC HỌC KỲ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
TỔNG SỐ				13 1										
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				44										
<i>1.1. Các học phần chung</i>				20										
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Việt Nam Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	3									
2	2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	2									
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	2									
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLSD1102	2			2							
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLDL1101	2			2							
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3	3	3							

T T	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	PHÂN BỐ CÁC HỌC KỲ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
	7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC											
	8	Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP											
1.2. Các học phần của Trường				12										
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	3									
8	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	3									
9	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3		3								
10	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3		3								
1.3. Các học phần của ngành				12										
11	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3		3								
12	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3		3								
13	3	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3			3							
14	4	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3			3							
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				87										
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15										
15	1	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3			3							
16	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3			3							
17	3	Kinh doanh quốc tế I International Business I	TMKD1115	3			3							
18	4	Marketing quốc tế International Marketing	MKMA1108	3				3						

T T	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	PHÂN BỐ CÁC HỌC KỲ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
19	5	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế Global Supply Chain Management	TMKD1123	3				3						
2.2. Kiến thức ngành				44										
2.2.1. Các học phần bắt buộc				29										
20	1	Kinh doanh quốc tế II International business II	TMKD1108	3				3						
21	2	Quản trị quốc tế: Quản trị đa văn hóa và hành vi International management: Cross - Culture and behavior	TMKD1113	3				3						
22	3	Quản trị tài chính quốc tế International Finance Management	NHQT1116	3				3						
23	4	Quản trị nhân lực quốc tế International Human Resource Management	NLQT1112	3				3						
24	5	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals of E-commerce	TMQT1132	3					3					
25	6	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 1 Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 1	TMKD1118	3					3					
26	7	Nghiệp vụ Ngoại thương 1 Foreign Trade Practice 1	TMKD1120	3					3					
27	8	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế Transportation & Freight Forwarding in International Trade	TMQT1134	3					3					
28	9	Kỹ năng chuyên ngành bằng Tiếng anh English Skills for International Business	TMKQ1124	3									3	
29	10	Đề án chuyên ngành Kinh doanh quốc tế Major Research Paper in International Business	TMKD1126	2							3			
2.2.2. Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15										
30	1	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1116	3							3			
31	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3					3					
32														

T T	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)		MÃ HP/BM	SỐ TC	PHÂN BỐ CÁC HỌC KỲ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
33	3	Pháp luật kinh doanh quốc tế International Business Law	LUKD1164	3					3				
34	4	Quản trị kinh doanh thương mại Commercial Business Management	TMKT1143	3						3			
	5	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3						3			
	6	Bao bì và thương hiệu hàng hóa Merchandise Packaging & Branding	TMKT1129	3					3				
	7	Định mức kinh tế kỹ thuật Economics and Technical Norms for Enterprises	TMKT1135	3					3				
	8	Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3						3			
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)				18									
	1	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 2 Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 2	TMKD1112	3						3			
35	2	Nghiệp vụ ngoại thương 2 Foreign Trade Practice 2	TMKD1121	3						3			
	3	Kinh doanh dịch vụ quốc tế International Business Service	TMKD1127	3							3		
	4	Đấu thầu quốc tế International Tender	TMKD1125	3							3		
	5	Nghiệp vụ hải quan Custom Practices	TMQT1124	3							3		
36													
37													
38	6	Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế Payment and Credit in International Trade	NHQT1118	3							3		
39													
40	7	Chuyên đề Marketing quốc tế International marketing	MKMA1161	3							3		
	8	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Research Methods for Socio - Economic	PTCC1128	3						3			
	9	Thuế quốc tế International Taxation	NHCO1113	3						3			

T T	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ)	MÃ HP/BM	SỐ TC	PHÂN BỐ CÁC HỌC KỲ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
41	2.4. Chuyên đề thực tập (<i>Internship Program</i>)	TMKD1124	10									1 0
Đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và GDQP & AN, GDTC theo quy định của Trường												

6. Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTDH: 31/12/2019